



# **BÁO CÁO NGÂN SÁCH DÀNH CHO CÔNG DÂN NĂM 2022**

**SỞ TÀI CHÍNH TỈNH VĨNH LONG**

# **TÓM LƯỢC NỘI DUNG**

**1- KHÁI NIỆM CƠ BẢN**

**2- CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022**

**3- DỰ TOÁN THU**

**4- DỰ TOÁN CHI**

**5- CÁC THAY ĐỔI VỀ DỰ TOÁN THU, CHI NSNN SO SÁNH VỚI NĂM 2021**

**6- CÁC ƯU TIÊN CHÍNH SÁCH TẠI ĐỊA PHƯƠNG TRONG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022**

# 1- KHÁI NIỆM CƠ BẢN

- **Ngân sách Nhà nước (NSNN)**: là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

- **Thu NSNN bao gồm:**

- + *Toàn bộ các khoản thu từ thuế, lệ phí;*
- + *Toàn bộ các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan Nhà nước thực hiện;*
- + *Các khoản viện trợ không hoàn lại;*
- + *Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.*

- **Chi NSNN bao gồm:**

- + *Chi đầu tư phát triển;*
- + *Chi thường xuyên;*
- + *Chi dự trữ quốc gia;*
- + *Chi trả nợ;*
- + *Chi viện trợ;*
- + *Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.*

- **Chi thường xuyên:** là nhiệm vụ chi của NSNN nhằm bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức khác và thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của Nhà nước về phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
- **Chi đầu tư phát triển:** là nhiệm vụ chi của NSNN gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản và một số nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.
- **Chi trả nợ:** là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước để trả các khoản nợ đến hạn phải trả, bao gồm khoản gốc, lãi, phí và các chi phí khác phát sinh từ việc vay.
- **Bội chi NSNN:** là tình trạng các khoản chi của ngân sách Nhà nước lớn hơn các khoản thu, phần chênh lệch chính là thâm hụt ngân sách.
- **Bội thu NSNN:** là tổng số thu lớn hơn tổng số chi trong năm ngân sách, Bội thu NSNN biểu hiện tình trạng lành mạnh và ổn định của NSNN, tạo cơ sở để tăng cường dự trữ tài chính quốc gia.
- **Chi dự trữ quốc gia:** là nhiệm vụ chi của NSNN để mua hàng dự trữ theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.
- **Kết dư ngân sách:** là chênh lệch lớn hơn giữa tổng số thu ngân sách so với tổng chi ngân sách của từng cấp ngân sách sau khi kết thúc năm ngân sách.

- **Quỹ dự trữ tài chính:** là quỹ của Nhà nước, hình thành từ NSNN và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- **Dự phòng NSNN:** là một khoản mục trong dự toán chi ngân sách chưa phân bổ đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định ở từng cấp ngân sách.
- **Thời kỳ ổn định ngân sách:** là thời kỳ ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trong thời gian 05 năm, trùng với kỳ kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm hoặc theo quyết định của Quốc hội.
- **Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách** là tỷ lệ phần trăm (%) mà từng cấp ngân sách được hưởng trên tổng số các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách.
- **Số bổ sung cân đối ngân sách:** là khoản ngân sách cấp trên bổ sung cho ngân sách cấp dưới nhằm bảo đảm cho chính quyền cấp dưới cân đối ngân sách cấp mình để thực hiện nhiệm vụ được giao.
- **Số bổ sung có mục tiêu:** là khoản ngân sách cấp trên bổ sung cho cấp dưới để hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể.

## 2- CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

### Một số chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2022
<b>I</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ</b>		
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng	%	6,0
2	Tỷ trọng kinh tế phi nông nghiệp	%	63,0
3	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	Tr. đồng	61,0
4	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	6.503
	Trong đó: Thu nội địa	Tỷ đồng	4.903
5	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tr. USD	630
6	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	15.800
7	Số doanh nghiệp đang hoạt động và kê khai thuế	Doanh nghiệp	3.900

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2022
<b>II</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN XÃ HỘI</b>		
8	Chuyển dịch cơ cấu lao động		
	+ Lao động khu vực nông nghiệp NLTS	%	43,1
	+ Lao động phi nông nghiệp	%	56,9
9	Số bác sĩ trên vạn dân	Bác sĩ	10
	Số giường bệnh trên 1 vạn dân (không tính trạm y tế)	Giường	31,17
10	Tổng tỷ suất sinh	Con/PN	1,84
11	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	0,41
12	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	59,0
	Trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo có cấp bằng, chứng chỉ	%	20,11
13	Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị	%	5,04
14	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	27,0
15	Tỷ lệ xã, phường có Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã, có tổ chức hoạt động văn hóa cộng đồng	%	83,5
16	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	92,2
17	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới tăng thêm	xã	5
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tăng thêm	xã	7

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2022
<b>III</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG</b>		
	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung:		
<b>18</b>	+ Khu vực đô thị	%	<b>99,0</b>
	+ Khu vực nông thôn	%	<b>94,0</b>
	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt		
<b>19</b>	Khu vực đô thị	%	<b>94,0</b>
	Khu vực nông thôn	%	<b>79,0</b>
<b>20</b>	Tỷ lệ chất thải, nước thải y tế được thu gom xử lý	%	<b>100</b>
<b>21</b>	Tỷ lệ các khu, cụm CN có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn	%	<b>100</b>



### 3- QUY TRÌNH NGÂN SÁCH

- Quy trình xây dựng, lập báo cáo dự toán NSNN theo nguyên tắc từ dưới lên trên; việc giao dự toán NSNN thì thực hiện từ trên xuống (*TW giao số kiểm tra thu - chi NSNN, địa phương lập dự toán gửi lên; sau khi Quốc hội quyết định thì TW giao xuống; địa phương quyết định xong báo cáo cơ quan cấp trên*).

- Thẩm quyền quyết định dự toán NSNN và phê chuẩn quyết toán NSNN

+ Quốc hội quyết định dự toán NSNN (về tổng mức, cơ cấu và mức chi theo một số lĩnh vực quan trọng như giáo dục- đào tạo, khoa học công nghệ, số bội chi và nguồn bù đắp bội chi NSNN); quyết định phân bổ NSTW (bao gồm: tổng mức chi theo từng lĩnh vực; dự toán chi từng Bộ, cơ quan trung ương; số bổ sung từ NSTW cho ngân sách từng địa phương; số bội chi ngân sách, tổng mức vay của từng địa phương). Quốc hội phê chuẩn quyết toán NSNN.

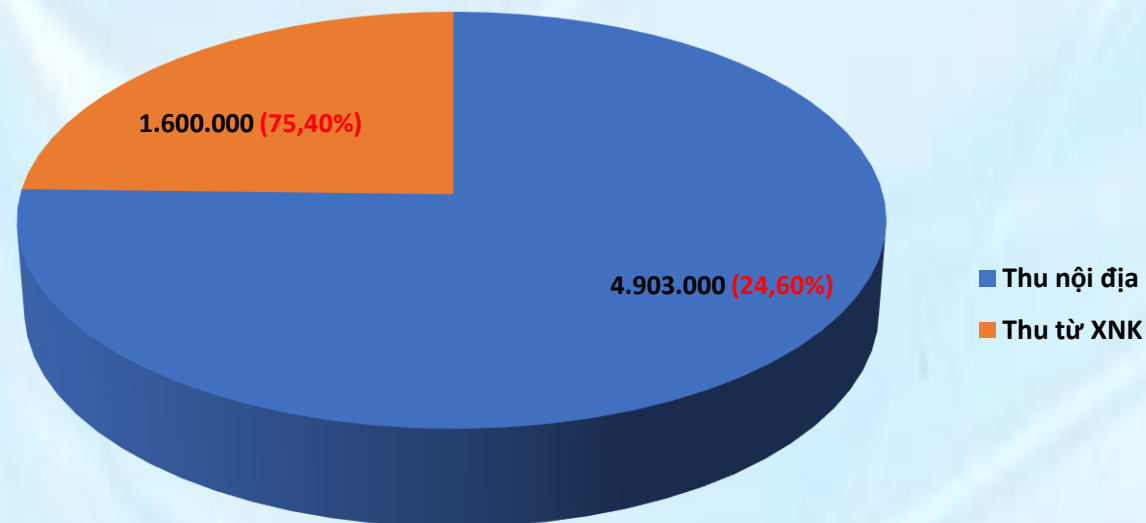
+ HĐND địa phương quyết định dự toán NSĐP căn cứ tổng mức, cơ cấu ngân sách đã được cấp trên quyết định và giao cho cấp dưới. Đối với ngân sách chi tiết theo lĩnh vực, trừ các lĩnh vực nào đã được cấp trên quyết định, còn lại do HĐND quyết định; quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình (bao gồm: dự toán chi NS cấp mình theo từng lĩnh vực; dự toán chi của từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình; mức bổ sung NS cho từng địa phương cấp dưới). HĐND phê chuẩn quyết toán NSĐP.

## 4- DỰ TOÁN THU

**DỰ TOÁN TỔNG THU NSNN NĂM 2022: 6.503.000 triệu đồng, giảm 12,62% so với dự toán năm 2021**

**1- Dự toán thu nội địa: 4.903.000 triệu đồng, chiếm 75,4% trong tổng thu NSNN, giảm 9,90% so dự toán năm 2021 (Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19)**

**2- Dự toán thu từ xuất nhập khẩu: 1.600.000 triệu đồng, chiếm 24,6% trong tổng thu NSNN, giảm 20% so với dự toán năm 2021.**



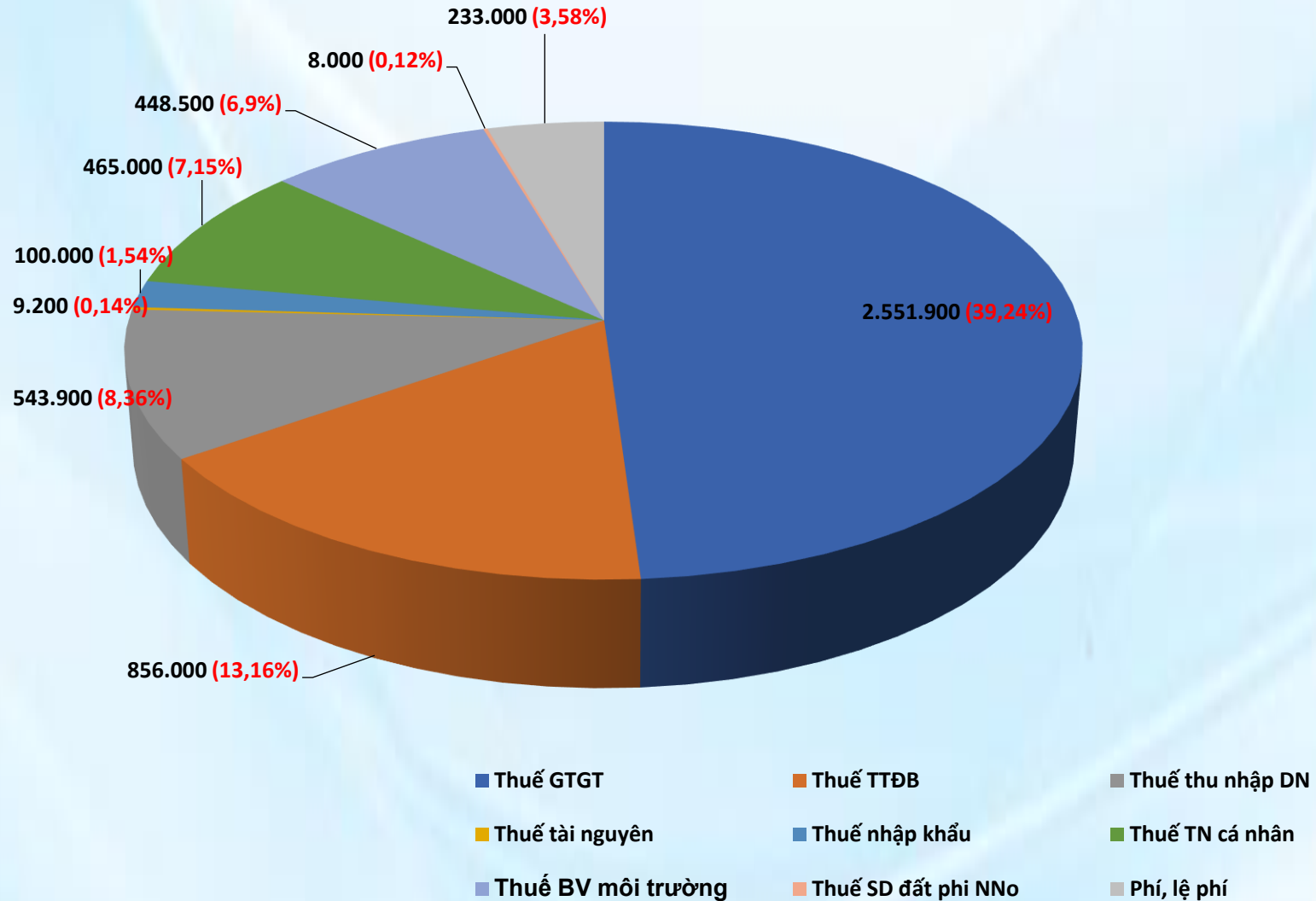
**CƠ CẤU DỰ TOÁN THU TỪ THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ: 5.215.500 triệu đồng, chiếm 80,20% tổng thu NSNN.**

**Trong đó:**

Thuế GTGT:	2.551.900 triệu đồng (39,24% tổng thu NSNN)
Thuế TTĐB:	856.000 triệu đồng (13,16% tổng thu NSNN)
Thuế thu nhập doanh nghiệp:	543.900 triệu đồng (8,36% tổng thu NSNN)
Thuế tài nguyên:	9.200 triệu đồng (0,14% tổng thu NSNN)
Thuế nhập khẩu:	100.000 triệu đồng (1,54% tổng thu NSNN)
Thuế thu nhập cá nhân:	465.000 triệu đồng (7,15% tổng thu NSNN)
Thuế bảo vệ môi trường:	448.500 triệu đồng (6,9% tổng thu NSNN)
Thuế SD đất phi nông nghiệp:	8.000 triệu đồng (0,12% tổng thu NSNN)
Phí, lệ phí:	233.000 triệu đồng (3,58% tổng thu NSNN)

## DỰ TOÁN THU TỪ THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ NĂM 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng (% so dự toán NSNN năm 2021)



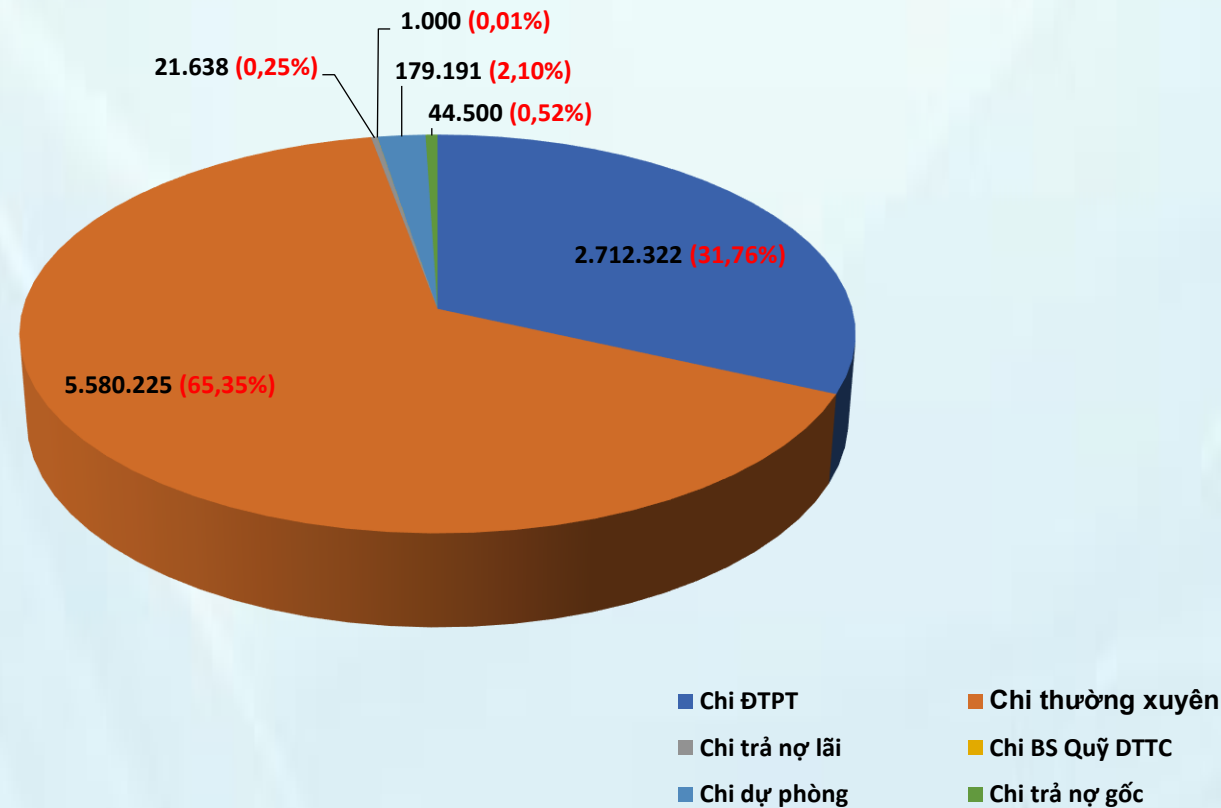
## 5- DỰ TOÁN CHI

**DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2022: 8.538.876 triệu đồng, trong đó:**

- 
- 1- Chi đầu tư phát triển: 2.712.322 triệu đồng, chiếm 31,76% tổng dự toán chi NSDP, giảm so dự toán năm 2021 (14,72%)**
- 2- Chi thường xuyên: 5.580.225 triệu đồng, chiếm 65,35% tổng chi NSDP, tăng so dự toán năm 2021 (9,22%)**
- 3- Chi trả nợ lãi: 21.638 triệu đồng (0,25% tổng chi NSDP)**
- 4- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng (0,01% tổng chi NSDP)**
- 5- Chi dự phòng: 179.191 triệu đồng (2,10% tổng chi NSDP)**
- 6- Chi trả nợ gốc: 44.500 triệu đồng (0,52% tổng chi NSDP)**

## CƠ CẤU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng (% so dự toán chi NSDP năm 2022)

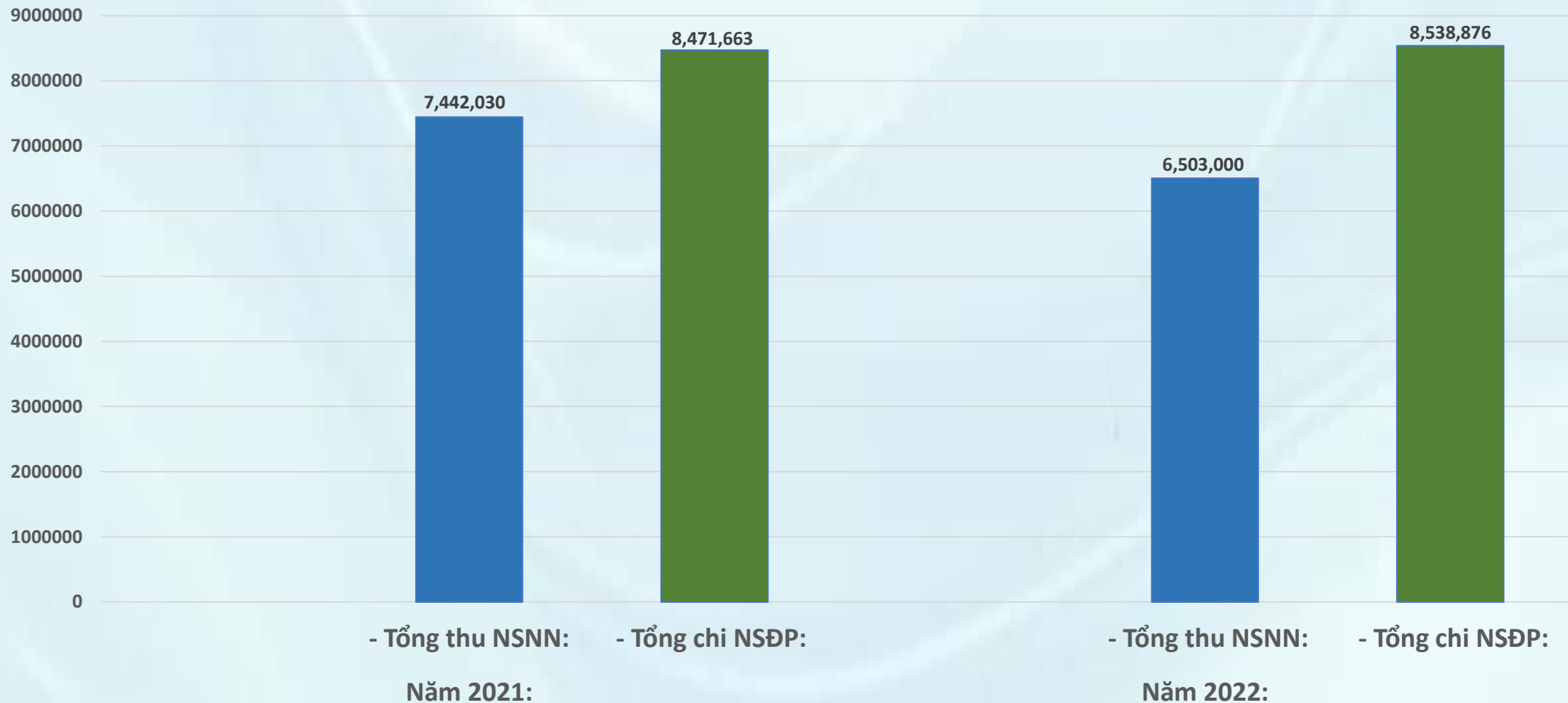


\* Chi thường xuyên cho sự nghiệp giáo dục-đào tạo: 2.350.386 triệu đồng, chiếm 42,11% tổng chi thường xuyên, tăng so dự toán 2021 (16,07%)

\* Chi thường xuyên cho sự nghiệp khoa học và công nghệ: 29.345 triệu đồng, chiếm 0,53% tổng chi thường xuyên, giảm so dự toán năm 2021 (3,03%).

## 6- CÁC THAY ĐỔI VỀ DỰ TOÁN THU, CHI NSNN SO SÁNH VỚI NĂM 2021

- Năm 2021: - Tổng thu NSNN: 7.442.030 triệu đồng - Tổng chi NSDP: 8.471.663 triệu đồng
- Năm 2022: - Tổng thu NSNN: 6.503.000 triệu đồng - Tổng chi NSDP: 8.538.876 triệu đồng



## 7- CÁC ƯU TIÊN CHÍNH SÁCH TẠI ĐỊA PHƯƠNG TRONG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022

1- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2022 đã được cấp có thẩm quyền giao (trừ lương, phụ cấp theo lương, khoản chi có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 chưa sử dụng hết chuyển sang (nếu có). Dành 70% nguồn tăng thu NSDP năm 2022 thực hiện so dự toán được giao; Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2022 để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2022.

2- Nguồn thu từ xổ số kiến thiết: dành 92% số thu dự toán XSKT (bao gồm cả nguồn thu được phân chia từ hoạt động xổ số điện toán) cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và lĩnh vực y tế; phần còn lại ưu tiên chi thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu, nông thôn mới và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP; dành 8% để chi sửa chữa, nâng cấp các công trình thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế và các công trình công cộng, văn hóa, phúc lợi xã hội quan trọng khác.



3- Phân bổ, giao dự toán chi ngân sách năm 2022 cho một số lĩnh vực quan trọng: Lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề số tiền 2.350.386 triệu đồng (chiếm 42,12% tổng dự toán chi NSDP), lĩnh vực khoa học công nghệ số tiền 29.345 triệu đồng (chiếm 0,53% trong tổng chi NSDP).

4- Nguồn thu từ thu tiền sử dụng đất: Nguồn thu tiền SDD (phần NS cấp tỉnh, huyện được hưởng theo phân cấp) được trích 20% hàng năm, trong đó 10% để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận QSDĐ và 10% để duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng nâng cấp các công trình giao thông, thủy lợi; trích để bổ sung nguồn quỹ phát triển đất cụ thể hàng năm theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ./.